

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v Tranh chấp ly hôn

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

chấp hành án tại trại giam Z30D, một mình bà vừa nuôi con, vừa thăm ông R và phải lo vấn đề kinh tế trong gia đình nên bà cảm thấy rất mệt mỏi, áp lực. Sau đó, khi ông R được về vào khoảng năm 2020, nghĩ vì thương con nên vợ chồng cũng có thời gian quay về chung sống. Đến khoảng năm 2021 thì ông R lại tiếp tục chấp hành án tại Trại giam U. Đến thời điểm hiện nay, bà không còn tình cảm, sự tin tưởng, tôn trọng với ông R cũng như khả năng đoàn tụ không có nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống và lo cho con.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Diệc Y – sinh ngày x/x/201x. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con. Trước đây, bà có yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng nay bà không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai nhận không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2023 tại Phân trại M, Trại giam U, bị đơn là ông Diệc R trình bày: Ông và bà Võ Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 1 năm. Sau đó, ông chấp hành án và vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay, bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý giao 01 con chung tên Diệc Y – sinh ngày x/x/201x cho bà H nuôi dưỡng. Hiện nay ông đang chấp hành án nên không thể cấp dưỡng nuôi con. Sau này, khi chấp hành án xong, ông và bà H sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng phía bị đơn có đơn xin vắng mặt, phía nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải do đó Tòa án lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận Tân Bình tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đang sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, tuy bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam U, huyện T, tỉnh N nhưng có địa chỉ cư trú trước khi chấp hành án là tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Căn cứ theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/3/2023 của bị đơn, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ trích lục kết hôn số 2x/TLKH-BS ngày x/x/202x do Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có cũng như phía bị đơn đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Xét, con chung tên Diệc Y – sinh ngày x/x/201x hiện đang sống với mẹ và cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Phía bị đơn cũng đồng ý giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng cũng như không thể nuôi dưỡng con ở thời điểm hiện nay. Để đảm bảo điều kiện phát triển, học tập và sinh sống của con trẻ, Hội đồng xét xử cũng chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Võ Ngọc Hằng.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc H được ly hôn với ông Diệc R.

1.2. Về con chung: Bà Võ Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Diệc Y – sinh ngày x/x/201x. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông R do bà H chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Võ Ngọc H chịu, được căn trừ vào số tiền bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/00086x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản sao án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo